

PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC MỘT DÒNG CHẢY

Phạm Minh Hạc*

Tổng kết công tác năm 2006 đã khẳng định một sự kiện nổi bật là Đại hội X của Đảng ta đã thành công tốt đẹp. Quan điểm – tư tưởng và chương trình hành động do Đại hội đề ra đang đi vào cuộc sống. Bài viết dưới đây góp phần tìm hiểu vấn đề văn hoá, con người và nguồn nhân lực theo tinh thần Đại hội X với các mục: (1) Quan điểm – tư tưởng của Đại hội X về văn hoá, con người và nguồn nhân lực; (2) Phát triển văn hoá; (3) Phát triển con người; (4) Phát triển nguồn nhân lực.

I. QUAN ĐIỂM TƯ TƯỞNG CỦA ĐẠI HỘI X VỀ VĂN HOÁ, CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

1-Vừa phát triển kinh tế vừa phát triển văn hoá - xã hội

Quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá - xã hội rất phức tạp, xử lý mối quan hệ này không đơn giản một chút nào.

Tiếp tục đường lối đổi mới do Đại hội (ĐH) VI (1986) khởi xướng, ĐH. X đã khẳng định: Bảo đảm gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hoá - như kiềng ba chân ĐỊA-THIÊN-NHÂN - bảo đảm sự phát triển bền vững đúng đắn, không rơi vào con đường tăng trưởng kinh tế đơn thuần, chỉ nhằm vào tốc độ tăng trưởng và tăng trưởng GDP. Nói cách khác, chúng ta kiên trì đường lối vừa phát triển kinh tế vừa phát triển văn hoá - xã hội, không để đất nước rơi vào tình trạng tường như phát triển nhưng thực chất lại là phản phát triển. Vì vậy ĐH X nhấn mạnh nhiệm vụ nâng cao tính văn hoá trong

mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 33, 213).

2-Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội

Đặc điểm của loài người, nhất là từ Con người hiện đại - Con người lý trí (Homo sapiens) bắt đầu từ khoảng 10 vạn năm trước đây, là có đời sống tinh thần bên cạnh đời sống vật chất- hai cột trụ, hai nền tảng của loài người, từng dân tộc, từng con người. Quan hệ giữa hai nền tảng này, cũng như quan hệ giữa tâm lý và thân thể ở con người là một vấn đề rắc rối, cả trên bình diện lý luận lẫn trên bình diện thực tiễn. Các Mác nói: có ăn, ở, mặc... rồi người ta mới nói đến chính trị, văn học, nghệ thuật, tôn giáo (Mác và Ăngghen, 1995: 499-500) được; trong “Bản thảo kinh tế triết học năm 1844” ông viết: “Cổ nhiên là ăn uống, sinh đẻ con cái v.v... cũng là những chức năng thực sự có tính người. Nhưng...biến chúng thành những mục đích cuối cùng và duy nhất thì những chức năng ấy mang tính súc vật”. Khi

* GS. TSKH.: Chủ tịch Hội các khoa học tâm lý- giáo dục Việt Nam.

lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế, tất nhiên, phải làm sao thoát ra khỏi tình trạng đó. Và vừa tiến tới mục tiêu đó vừa lo ngay giải quyết những vấn đề văn hoá - xã hội, như Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành và đã thu được một số thành quả nhất định trong những năm 90 của thế kỷ trước. Mục đích cuối cùng là xã hội, văn hoá và con người, mà đứng về một phương diện nào đó, biểu trưng tổng quát ở đây có thể coi là văn hoá (đời sống tinh thần). Mất tinh thần dân tộc, khí phách dân tộc, tâm hồn dân tộc - dân tộc bị tha hoá (tự mình đánh mất mình). Cũng có thể nói, nền tảng tinh thần của dân tộc là cốt lõi của nội lực của dân tộc. Lịch sử thắng giặc ngoài xâm của dân tộc ta là một minh chứng hùng hồn. Ngày nay trong xây dựng đất nước lại càng cần vun đắp và phát huy sức mạnh của văn hoá - nền tảng tinh thần của dân tộc.

3- Giữ gìn và phát huy nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại

Mốc đánh dấu một bước đổi mới toàn diện trong tư duy về văn hoá của Đảng ta thể hiện ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá VIII). Nghị quyết này được coi là một văn kiện mang tính chất cương lĩnh về văn hoá trong thời kỳ CNH và HĐH đất nước, được Đ.H.X khẳng định lại: phải giữ gìn, xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc của dân tộc ta. *Tính chất tiên tiến* ở đây thể hiện ở chỗ nền văn hoá mang đậm nội dung yêu nước và tinh thần tiến bộ, cả ở nội dung và hình thức biểu hiện. *Tính chất dân tộc* bao hàm cả

ở cấp độ dân tộc - quốc gia lẫn cấp độ dân tộc - tộc người. Nước ta vẫn nói dân tộc Việt Nam gồm 54 dân tộc (tộc người) anh em. Mỗi dân tộc trong tiến trình lịch sử, trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, với thù trong, giặc ngoài, và với chính mình đã tạo dựng nên những nét riêng mà ta gọi là bản sắc văn hoá dân tộc mình, và bản sắc dân tộc anh em đã tập hợp lại thành bản sắc văn hoá Việt Nam vừa đa dạng vừa thống nhất, biểu hiện tập trung ở tinh thần Việt Nam, tâm hồn Việt Nam. Đa dạng của các nền văn hoá dân tộc - tộc người, cũng như đa dạng trong bản thân văn hoá - các công trình văn hoá, mà có đa dạng mới có bản sắc, đồng thời thống nhất trong văn hoá - quốc gia, sự thống nhất tạo dựng nên dân tộc - quốc gia. Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII viết: "Văn hoá Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam..."

Đa dạng và thống nhất trong không gian văn hoá Việt Nam và xuyên suốt chuỗi thời gian như một dòng phát triển liên tục, văn hoá Việt Nam được thế giới công nhận:

- Ngay từ thời xa xưa người Trung Quốc đã công nhận Việt Nam là nước văn hiến, có thuần phong mỹ tục, văn hoá thâm sâu, văn vật khá đẹp, nhân tài lỗi lạc (Khuyết danh, khoảng 1377-1388).

1- Trong sách "Nghiên cứu về lịch sử" A.Tôenbi, người Anh, nhà lịch sử nổi tiếng vào bậc nhất thế giới trong thế kỷ XX, cho rằng loài người ngày nay có

31 nền văn minh, trong đó có văn minh Việt Nam (A.T.Tôenbi, 2002:65).

2- Các tác giả người Pháp trong nhiều công trình nghiên cứu từ lâu đã đi đến kết luận: "...mặc dầu nghèo khó, họ (người Việt Nam - PMH chú thích) không sống đê tiện, mặc dầu cố lao mình đi tìm mỗi lợi cực nhỏ, và hạ mình đi tìm công việc... với tiền thù lao rẻ mạt, họ vẫn tạo dựng nên một nền văn minh cân đối và hợp lý, không thấy có ở những nước phát triển hơn nhiều..., có thể sánh với mọi nền văn hoá cổ điển lớn" (Hácđơ, Moranh Durang, 1999:8).

3- Gần đây trong các công trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam, một số học giả Mỹ cũng công nhận có "một lịch sử thực sự Việt Nam", có "một bản sắc dân tộc Việt Nam" và "một tính cách Việt Nam" (S.O.Harâu, 2001: 42, 44, 45).

4- Nền văn hoá Việt Nam, mặt khác, cũng là "kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới" (S.O.Harâu, 2001: 42, 44, 45). Với vị trí địa lý riêng biệt của mình, dân tộc ta đã khôn ngoan tiếp biến (thu nhận những gì phù hợp với mình, khéo vận dụng vào hoàn cảnh của đất nước) văn hoá, văn minh Trung Hoa, Ấn Độ, Pháp (phương Tây nói chung), Nga, Mỹ, vv..., văn hoá, văn minh Cổ đại (khoảng trước sau thế kỷ thứ V trước Công nguyên), Phục hưng (thế kỷ XIV-XVI), văn hoá, văn minh hiện đại (công nghiệp - từ thế kỷ XVII - XVIII), văn hoá, văn minh hậu hiện đại (hậu công nghiệp - từ cuối thế kỷ thứ XX, có thể từ những năm 90 với công nghệ mạng, với kinh tế tri thức) vừa thích nghi vừa sáng tạo, "hun đúc

nền tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc". Các nhà nghiên cứu lịch sử Pháp cũng công nhận: mỗi quan tâm thường xuyên mà văn hoá Việt Nam đã biểu lộ trong nhiều thế kỷ là không thu nhận bất cứ yếu tố bên ngoài nào mà không tìm cách bắt yếu tố đó chấp nhận dấu ấn riêng của mình, đây là điều bảo đảm rằng nền văn hoá đó đủ bền chặt để chống chọi với các sức ép từ bên ngoài (S.O.Harâu, 2001: 42, 44, 45). Chúng ta có quyền tự hào về dân tộc mình. Ngày nay trong thời đại toàn cầu hoá, hội nhập, mở cửa, nhận dạng cho rõ bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại đang nổi lên như là một vấn đề rất thời sự. Từ năm 1987, UNESCO đã phát động Thập kỷ Văn hoá vì sự phát triển, mọi nơi trên thế giới đều bàn luận đến văn hóa. Chẳng mấy ai đồng ý với luận điểm "đụng độ văn hoá" của Huntinton (S.P. Huntinton, 1993), tuyệt đại đa số các học giả cũng như nhân dân đều tán thưởng các nền văn hoá phải giao lưu, trao đổi, hội nhập quốc tế, học hỏi lẫn nhau, thấy rõ tính biện chứng giữa các giá trị văn hoá dân tộc và các giá trị văn hoá nhân loại (Phạm Minh Hạc, 2003), vận dụng biện chứng đó vào cuộc sống để ngày càng tăng cường sức mạnh dân tộc, phát triển đất nước, phát triển con người. Qua đó tiếp tục xây dựng một thế giới hoà bình, hữu nghị.

4- Cùng với văn hoá, con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển

Nói đến văn hoá là nói đến con người, con người gieo trồng nên văn hoá, văn

hoá biểu hiện qua con người. *Không có con người – không có văn hoá, và không có văn hoá, con người mất tính người, không còn là người.* Chăm lo và sử dụng con người là một nội dung cốt yếu của đường lối phát triển văn hoá. Cho nên khi nói đến vai trò của văn hoá thường gắn liền với vai trò của con người. Trong thế giới ngày nay vai trò của văn hoá và con người được coi trọng hơn bao giờ hết. Đó là yêu cầu khách quan của thời đại - của xã hội công nghiệp, của kinh tế tri thức. Ngày nay văn hoá được coi là một chiều kích không thể thiếu của công cuộc phát triển đất nước, mà con người được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển.

Một thành tựu đặc biệt quan trọng, có tính chất mở đường của 20 năm đổi mới là Đảng ta đã đổi mới một cách sâu sắc quan niệm về chủ nghĩa xã hội, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về sự phát triển xã hội, văn hoá, con người. ĐH.VI (1986) là đại hội đầu tiên của Đảng ta định ra luận điểm coi trọng yếu tố con người, phát huy yếu tố con người trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày càng bảo đảm dân quyền, nhân quyền, mà trước hết làm sao “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”, như Bác Hồ hằng mong ước. Triển khai luận điểm này, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách phát huy mọi tiềm năng phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, chăm nom các đối tượng chính sách..., đặc biệt Hội nghị lần 2 Ban chấp hành Trung ương (BCHTW) khoá VIII đã ra Nghị quyết về chính sách phát triển giáo dục - đào tạo và

khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, và tiếp theo là Hội nghị lần thứ 5 BCHTW khoá này đã ra Nghị quyết về văn hoá, như đã trình bày ở trên, nhằm bồi dưỡng nâng cao dần năng lực của con người, phát huy sức mạnh của con người và “sức mạnh văn hoá” (Hồ Chí Minh), tăng cường nội lực, trên cơ sở đó tranh thủ sự hợp tác từ bên ngoài (ngoại lực), đưa đất nước sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển. Nói tóm lại, theo tinh thần của đường lối đổi mới, văn hoá và con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển đất nước. Đặc biệt cần nhấn mạnh vì con người là mục đích tối thượng của chủ nghĩa xã hội (Phạm Minh Hạc, 2005). Phát triển kinh tế, phát triển văn hoá – xã hội đều phải nhằm vào phát triển con người.

Từ năm 1848 trong “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” Các Mác và Ăngghen đã đưa ra luận điểm mục tiêu của việc xây dựng xã hội mới là tiến tới “phát triển tự do của mỗi người”. Đến đầu thế kỷ XX các nhà tâm lý học lỗi lạc Piagiê (Thụy Sĩ), Vugôtski (Nga) đã nghiên cứu nhiều về “phát triển tâm lý” của con người qua các lứa tuổi. Tiếp theo, vào đầu những năm 60 thế kỷ XX các chuyên gia Ngân hàng Thế giới đưa ra khái niệm “phát triển người”, “vốn người”. Dần dần khái niệm này trở thành tư tưởng của thời đại - một trong những công cụ cơ bản để hoạch định chính sách và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của các quốc gia. Từ năm 1990 Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) bắt đầu xây dựng Báo cáo phát triển con người, định kỳ mỗi năm một lần. Theo

tổ chức này, phát triển con người là tăng cường khả năng lựa chọn của con người, tức là tăng cường năng lực lựa chọn của con người, và mở rộng các cơ hội lựa chọn cho mọi người. Theo chúng tôi, có thể hiểu một cách cơ bản hơn, phát triển con người là phát triển “các lực lượng bản chất” (Các Mác) – các năng lực vật chất và các năng lực tinh thần - đó chính là nhân cách, trí tuệ, thể chất, và trong quá trình hoạt động chuyển thành tâm lực, trí lực, thể lực. Để đo đạc được một cách cụ thể, chính xác, UNDP chọn 3 tiêu chí: GDP, trình độ giáo dục và tuổi thọ (mặc dù đã đưa ra 30 chỉ tiêu phát triển con người (Phạm Minh Hạc, 2006: 90-91).

Cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI khái niệm “phát triển người” chuyển thành khái niệm “phát triển người bền vững” được Liên hợp quốc chính thức khẳng định nội dung là phát triển cho ngày hôm nay và cho mai sau, thông qua chương trình và chính sách phát triển bền vững. Khái niệm “phát triển bền vững” là một trong những khái niệm trung tâm của thời đại, cả trong khoa học xã hội – nhân văn lẫn trong quản lý xã hội, kinh tế, môi trường. Khái niệm đó chỉ tiêu điểm của phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường là phát triển bền vững con người. Đầu tư vào con người (đầu tư vào giáo dục, vào chăm sóc sức khoẻ...) là đầu tư phát triển cực kỳ quan trọng. Riêng trong giáo dục ngày nay, phát triển bền vững là trọng điểm của chất lượng giáo dục; xây dựng xã hội công dân, xã hội học tập làm cơ sở để phát triển con người bền vững.

Theo đó, chúng ta thực hiện một công việc cực kỳ khó khăn mà cũng cực kỳ quan trọng là “hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam” trên cơ sở kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại, như Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2006-2010 đã được thông qua tại ĐH.X đã chỉ ra. Hệ giá trị của con người Việt Nam đã tạo nên “sức mạnh vật chất” (Các Mác), “sức mạnh văn hoá” (Hồ Chí Minh) - yếu tố quyết định giành thắng lợi trong bảo vệ và dựng xây đất nước ta trước đây, ngày nay lại càng có ý nghĩa trong công cuộc CNH, HĐH đất nước, mở cửa, hội nhập.

5-Phát triển văn hoá, phát triển bền vững con người phục vụ đắc lực phát triển nguồn nhân lực

Các vấn đề văn hoá, con người và nguồn nhân lực rất gắn quện với nhau¹. Các giá trị vật chất cùng với giá trị tinh thần (văn hoá) do con người tạo ra thông qua giáo dục và tự giáo dục trở lại với con người thành sức mạnh ở con người cũng như nhóm, tập thể lao động (suy rộng ra là của dân tộc...) thành vốn người, nguồn lực con người (nguồn nhân lực) tạo ra giá trị mới, đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân, nhóm, tập thể lao động, sản xuất, kinh doanh... phát triển đất nước: *văn hoá, con, người, nguồn nhân lực quện lại thành một dòng chảy*. Vấn đề nguồn nhân lực là một trong những vấn đề nổi cộm nhất khi loài người bước vào thời đại phát triển mới - thời đại thông tin điện tử, toàn cầu hoá, kinh tế tri thức, và ở nước ta - CNH, HĐH, mở cửa, hội nhập quốc tế.

Trên thế giới các nhà nghiên cứu đang xem lại sự phát triển nguồn nhân lực từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (bắt đầu từ thế kỷ XVIII), qua cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai (bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX) và đi vào thời đại mới ngày nay như thế nào (Pitơ Đơơ. 2002). ĐH.IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững... Con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ CNH, HĐH...” (Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc IX, 2001: 108, 201).

Nói tới nguồn nhân lực, theo nghĩa đầy đủ, là nói tới nguồn lao động, nguồn nhân lực, đội ngũ lao động, nói chung lại là nói tới vốn người. Nguồn lao động là tổng số nhân khẩu có khả năng lao động, bao gồm cả những người trong độ tuổi lao động lẫn những người ngoài độ tuổi lao động; nguồn lao động được sắp xếp theo một tiêu chí nào đấy, ví dụ, theo khối kinh tế nông nghiệp (NN), công nghiệp (CN), dịch vụ (DV), hay theo trình độ đào tạo đại học (ĐH), trung học chuyên nghiệp (THCN), công nhân (CN)... sẽ có một cơ cấu lao động nhất định. Nguồn nhân lực bao gồm những người đã được chuẩn bị ở các mức độ khác nhau, sẵn sàng tham gia lao động. Đội ngũ lao động là nguồn nhân lực đang được sử dụng. Vốn người là tiềm năng và năng lực nói chung (gồm cả công nghệ, phần mềm máy tính...) của cộng đồng người, từ gia đình đến quốc gia. Nói tới phát triển nguồn nhân lực là

đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng (quản lý) nguồn nhân lực. Khi quyết định chính sách chấn hưng nền giáo dục nước nhà, Nghị quyết TƯ 2 khoá VIII đã nhấn mạnh quan điểm giáo dục – đào tạo phải trực tiếp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực. Nghị quyết này cũng đã đặt vấn đề có một tổ chức quản lý nguồn nhân lực của cả nước. ĐH. X đã khẳng định: “Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động”, trong đó chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài - đầu tàu của nguồn nhân lực, có vai trò cực kỳ to lớn đối với chất lượng của sự phát triển đất nước.

Tiếp theo sẽ trình bày hiện trạng và các nhiệm vụ đặt ra cho chúng ta về các vấn đề văn hóa, con người và nguồn nhân lực (theo kết quả do 3 chương trình KHCNNN từ 1990 đến 2005).

II. PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ

Nói một cách tổng quát, thành công của 20 năm (1986-2006) đổi mới là *thành công của văn hoá, của tâm lý, ý chí, trí tuệ, tài năng sáng tạo và nỗ lực lao động của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng*. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng khẳng định: thắng lợi trong chiến tranh giữ nước, “cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội chung quy là thắng lợi của con người” (Phạm Văn Đồng, 1995) Việt Nam. Một biểu hiện cụ thể của “sức mạnh văn hoá” đối với công cuộc đổi mới là tuyệt đại đa số nhân dân phấn khởi hưởng ứng - cảm nhận và tham gia

- mỗi người, mỗi tập thể trong phận sự của mình - công cuộc đổi mới. Theo kết quả của Dự án Điều tra giá trị Thế giới (ĐTGTG) 2001-2005 có 81 nước và vùng lãnh thổ tham gia thì, cảm nhận của người dân đối với cuộc sống thể hiện như sau:

Cảm nhận của người dân	% tổng số người trả lời	
	Việt Nam	Các nước khác
Cảm thấy rất vừa lòng	49,1	23
Cảm thấy vừa lòng	43,3	54
Cảm thấy không vừa lòng	7	20
Không trả lời	0,6	3

Nguồn: ĐTGTG 2001-2005, giám đốc: GS.R.Inglézac, Đại học Misigân, Mỹ.

Qua kết quả nghiên cứu này ta thấy tâm trạng phấn khởi do công cuộc đổi mới đem lại - từ một cuộc sống quá thiếu thốn, quá gò bó sang một cuộc sống bắt đầu đủ ăn, đủ mặc, thoải mái hơn (từ ĐH. IX đã đưa “dân chủ” vào mục tiêu chung “giàu mạnh, công bằng, văn minh”) - tình hình cải thiện nói chung chưa phải là nhiều lắm, nhưng so với một mẫu số (điểm xuất phát) nhỏ, thành ra ta thu được một hiệu ứng khá cao so với tình hình chung ở một số nước khác. Vấn đề của chúng ta là vấn đề vùng miền, dân tộc, công bằng xã hội, và từ tâm trạng vừa lòng tới niềm tin vào bản thân, vào cuộc sống, vào Đảng, Chính phủ, vào lý tưởng xã hội

chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục được khẳng định là nền tảng tư tưởng của xã hội, làm sao biến thành niềm tin của đảng viên, thanh niên và một bộ phận lớn trong nhân dân.

Một thành tựu đáng kể ở đây là trong đời sống văn hoá của quảng đại quần chúng có nhiều biểu hiện tích cực: nhiều giá trị dân tộc truyền thống, như lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tính cộng đồng, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa... được nối tiếp và phát huy; lòng nhân ái, nhân nghĩa (tính người, tình người) ngày càng được tôn vinh và lan toả ngày càng rộng rãi, bên cạnh một số cảnh đau lòng trong đời nhân xử thế cả trong gia đình, nhà trường, đến công trường, làng xóm, phố phường... Tuy nhiên, có thể nhận thấy: nhờ phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” môi trường văn hoá trong những năm qua được cải thiện một bước.

Điều đáng quan tâm giải quyết là ở nhiều nơi một số phong tục lạc hậu, phép vua thua lệ làng... còn đầy sức mạnh, kỷ cương phép nước còn chưa nghiêm. Hơn thế nữa, cái gọi là “đời sống tâm linh” (một phạm trù khoa học dùng để chỉ sự liên tục của dòng thời gian và cộng hưởng trong trời đất với con người ở đời sống tinh thần) con người và loài người, được nhiều người quan tâm hơn bao giờ hết, còn bao nhiêu vấn đề cần lý giải, nhiều khi dẫn đến tình hình phức tạp, bị lợi dụng tăng mê tín dị đoan: theo điều tra ở 3 thành phố lớn của đề tài KX.05-03 (2001-2005), có

tới 84% số người, trong đó có đủ mọi thành phần, được hỏi đã tiến hành tang lễ theo hướng dẫn của các “ông thầy”, “bà thầy”; 50% người được hỏi đã làm như vậy đối với những đám cưới. Cần lưu ý đến tình hình lễ hội triền miên, tràn lan: nhiều nơi, trong đó có cả cơ quan ngôn luận chính thống bây giờ lại nhắc đi nhắc lại “tháng giêng là tháng ăn chơi”. Có lẽ những nơi đó quên mất rằng chúng ta đang đi vào công nghiệp?!

Nói về đời sống văn hoá trong những năm qua rất phong phú, trong phạm vi bài này điếm qua được một số nét. Tuy vậy, không thể không nói đôi điều về văn học - nghệ thuật, một lĩnh vực cực kỳ phong phú, phức tạp, không thể thiếu của nền văn hoá tiên tiến. Bên cạnh Tổng tập văn học Việt Nam, phần văn học chữ viết từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ thứ XX gồm 42 tập, Tổng tập văn học dân gian của người Việt gồm 19 tập, nhiều tập Sử thi Tây Nguyên..., văn hoá nói chung, văn học nói riêng của các dân tộc anh em được phát huy, phát triển hơn bao giờ hết; nhiều tiểu thuyết, truyện, thơ các loại được ấn hành, ca khúc nở rộ; biểu diễn văn nghệ, nhất là ca hát, kịch, điện ảnh, cả chuyên và không chuyên, được tổ chức thường xuyên ở khắp nơi, nhất là ở đô thị và một số nơi đồng bằng; thông tin, báo chí tăng nhiều lần so với trước đổi mới; truyền thanh, truyền hình hơn hẳn trước, 80% - 90% dân cư có điều kiện tiếp cận. Giao lưu văn hoá quốc tế cũng tăng hơn: trước đổi mới mới có quan hệ văn hoá với 20 nước, nay với khoảng 50 nước, đang tham gia vào 7 Tổ chức văn hoá thế giới.

Câu chuyện đáng lo ở đây là chất lượng các ấn phẩm, làm sao có nhiều truyện xứng với tầm vóc thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến giữ nước và dựng nước, đặc biệt của công cuộc đổi mới; làm sao tránh được các hiện tượng thương mại hoá, tầm thường hoá, chủ nghĩa thực dụng - giạt gân rề tiền. Nói khái quát, như ĐH.X đã chỉ ra, là phải chăm lo tốt hơn đời sống văn hoá, nhất là đạo đức, môi trường văn hoá và các chính sách văn hoá, chú ý tới hiệu quả (kinh tế, giáo dục...) của các tác phẩm và các hoạt động văn hoá, kể cả hợp tác quốc tế về văn hoá, đối với sự phát triển của đất nước.

III. PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Thành tựu phát triển con người, cũng như về văn hoá, là một chủ đề rất rộng. Ở đây, chỉ điếm qua một số nét. Thành tựu nổi bật là chỉ số phát triển con người của Việt Nam trong những năm qua đã tăng tiến rõ rệt:

Năm	HDI	Thứ bậc trên thế giới
1990	0.608	56/130
1995	0.539	120/174
2000	0.671	108/174
2004	0.691	112/177
2005	0.704	108/177
2006	0.709	109/177

Nguồn: Báo cáo về phát triển con người của UNDP từ năm 1990 đến năm 2006.

Theo Báo cáo này, các nước có GDP/đầu người đạt từ 3000 - 4000 USD mới có HDI đạt từ 0.7 trở lên. Năm 2005

GDP/đầu người của Việt Nam mới đạt 620 USD, mà HDI đã đạt 0.704. Nhiều nước có GDP/đầu người (tính theo sức mua của đồng tiền của từng nước – PPP) cao hơn ta, nhưng thứ hạng HDI lại thấp hơn ta, lấy số liệu năm 2001 làm ví dụ:

Nước	PPP (USD)	Thứ hạng HDI
Việt Nam	2070	106/175
Nam Phi	11.290	111/175
Indônêsi	2940	112/175
Gabông	5990	118/175
Goatêmal	4400	119/175
Âi Cập	3520	120/175
Namibia	7120	124/175

Cùng với thành tựu về phát triển con người, chúng ta cũng đạt được thành tựu trong cuộc đấu tranh chống nghèo khổ: năm 2006 Việt Nam được đứng trong nhóm 8 nước (Acemêni, Agiecbaigian, Trung Quốc, Kiêcghítan, Malaysia, Palau, Thái Lan) dẫn đầu trong 53 nước và khu vực, theo đánh giá của Ủy ban phát triển kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc trụ sở tại Băng Kốc, ngày 16-10, ngày Quốc tế chống nạn nghèo khổ. Tỷ lệ người nghèo, theo tiêu chí chung, giảm từ khoảng 40% xuống khoảng 20% sau 20 năm đổi mới. Nước ta cũng đứng trong nhóm có thứ bậc cao trong thành tích thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ. Tuy vậy, phải tiếp tục phấn đấu thực hiện bằng được những mục tiêu này, tiến tới mục tiêu công bằng xã hội. Cơ chế mới, tình hình mới đã tạo nên những biến đổi rất sâu sắc trong sự phát triển con người chúng ta, biểu hiện tập trung

ở sự chuyển động trong thang giá trị, thước đo giá trị, định hướng giá trị (gọi chung lại là hệ giá trị) diễn ra theo những chiều hướng sau:

- Nâng về các giá trị kinh tế hơn các giá trị khác;

- Lợi ích cá nhân, gia đình trội hơn lợi ích cộng đồng, tập thể, xã hội. Nhưng mặt khác, lợi ích quốc gia dân tộc vẫn được đề cao;

- Lợi ích trước mắt hơn lợi ích lâu dài;

- Chạy theo các nhu cầu tiêu dùng, tâm lý hưởng thụ;

- Từ chấp nhận cuộc sống bình quân sang chấp nhận sự phân hoá trong cuộc sống tùy thuộc vào của cải sở hữu, tài năng, hiệu quả lao động;

- Giữa quyền và nghĩa vụ, chuyển dần nặng về thụ hưởng quyền lợi hơn là thực hiện nghĩa vụ, nhất là chưa có đầy đủ ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, v.v...

Vấn đề là phải giải quyết hài hoà các mối quan hệ nêu trên theo các quy định của luật pháp, chính sách, hướng tới xã hội công dân. Những biến đổi trong hệ giá trị, một mặt, đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong tính cách con người, như từ tâm lý bao cấp sang tự lo toan, biết tính toán hiệu quả kinh tế, không thụ động chờ đợi, mà trở nên năng động hơn, dám cạnh tranh, mặt đối mặt với thách thức; mặt khác, cũng bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục, như thích nghi nhanh, nhưng chủ yếu ở cấp độ đối phó, giải quyết các yêu cầu trước mắt, đáp ứng các nhu cầu nhất thời (tâm lý ăn xổi, ở thì), cuộc sống vật chất vừa mới được cải thiện đã phát triển xu hướng chạy

theo lối sống tiêu dùng xa hoa, lãng phí, lười biếng: tư duy nặng về kinh nghiệm chủ nghĩa, trực giác, nhiều khi thiếu căn cứ khoa học. Thời đại CNH, HĐH đòi hỏi chúng ta phải mau chóng khắc phục tâm lý tiêu nông, xây dựng tác phong công nghiệp: việc gì cũng đòi hỏi phải có căn cứ khoa học, lấy hiệu quả làm tiêu chí hàng đầu, và trên cơ sở duy lý phải hết sức coi trọng tình nghĩa. Chỉ số thông minh (IQ) của chúng ta, theo kết quả nghiên cứu của đề tài KX.05-05, không thua kém ai. Vấn đề là phải giáo dục toàn diện (Phạm Minh Hạc, 2001), phát huy tiềm năng của chúng ta, nhất là khả năng sáng tạo; cũng theo kết quả của đề tài này, khả năng này so với thiên hạ chúng ta còn thua kém nhiều lắm. Tóm lại, đến nay nhiều người đã nhận thức ra rằng phải nâng nhân cách, cả nhân phẩm và trí tuệ, đạo đức và tay nghề. Bây giờ tất cả là ở hành động! Đây cũng là yêu cầu của đợt sinh hoạt chính trị Học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh, làm sao mỗi con người chúng ta có được Thái độ đối với mình, Thái độ đối với công việc, Thái độ đối với người khác, như Bác đã viết trong Đường Kách mệnh (1927), hướng tới nguồn nhân lực bao gồm những con người có các phẩm chất sau đây.

- Bản lĩnh, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, niềm tin, quyết tâm thực hiện sứ mệnh CNH, HĐH, đưa đất nước sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển;

- Sức khoẻ tốt;

- Nhân cách mang bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại với

bản chất nhân văn, nhân đạo, nhân ái;

- Đủ trí tuệ (có đầu óc duy lý) của thời đại, có tác phong công nghiệp, biết làm việc có hiệu quả cho bản thân và cộng đồng;

- Tinh thần công dân, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm xã hội, biết bảo vệ và thực hiện các quyền con người và quyền công dân. Không có những con người như vậy, thể hệ tiếp nối thế hệ, với những nét tính cách vừa nêu, khó mà xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

IV. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Dân trí, dân khí, dân năng cùng với tâm lực, trí lực, thể lực hội tụ lại thành “vốn người”- một khái niệm gần đây mới được dùng phổ biến trong khoa học, cũng như trong quản lý kinh tế - xã hội. “Vốn người” khi được sử dụng thành nguồn nhân lực - yếu tố quan trọng nhất trong nội lực của đất nước. Mấy con số dưới đây nói lên đôi nét về tình hình nguồn nhân lực của nước ta hiện nay:

- Dân số khoảng 82 triệu, đứng thứ 13 trên thế giới; dân cư nông thôn khoảng 74%, thành thị - khoảng 26%. Đặc biệt, cơ cấu dân số trẻ: từ trẻ sơ sinh đến 16 tuổi chiếm khoảng 40% dân số.

- Nguồn lao động (dân số trong độ tuổi lao động) khoảng 51-52 triệu người - hơn 62% dân số. Tỷ lệ lao động trong nông nghiệp (một khối) và trong công nghiệp, dịch vụ (một khối) tương ứng với tỷ lệ dân cư nông thôn và dân cư thành thị. Lực lượng lao động trẻ (từ 15 tuổi đến 34 tuổi) đến hơn một nửa

(khoảng 55-56% nguồn lao động), đây là một thuận lợi, nếu bố trí được việc làm cho họ, đối với sự phát triển.

- Trình độ học vấn của nguồn lao động ở nước ta khá cao: 95% biết chữ, hơn 80% tốt nghiệp tiểu học trở lên, 52-53% - THCS, khoảng 20% - THPT, khoảng gần 5% - Đại học, cao đẳng. Cán bộ nghiên cứu tính trên một triệu dân là 274 người, cao hơn Malaysia (160), Philippin (156), Indônêsi (130), Thái Lan (74). Đối với một nước còn gần ¼ dân cư nông thôn, các tỷ lệ như vậy là cao - một thuận lợi cho phát triển. Vấn đề ở đây là chất lượng giáo dục: thiếu giáo dục kỹ năng sống, thiếu định hướng nghề nghiệp, chuẩn bị vào lao động...

- Tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo tuy đã có tiến bộ, đã đạt khoảng 24-25% nguồn lao động, nhưng như vậy là chưa đạt yêu cầu, đây là chưa nói đến chất lượng đào tạo còn thấp - phần lớn người học tốt nghiệp ra trường chưa sẵn sàng bắt tay ngay vào công việc được. Chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo không còn phù hợp.

- Cơ cấu trình độ đào tạo: nếu lấy công nhân kỹ thuật là 1, thì trung cấp kỹ thuật là 4,37, và cao đẳng, đại học là 4,8 (Phạm Thành Nghị, 2006). Cơ cấu này rất bất hợp lý, bình thường khi đi vào CNH, cơ cấu này là 1- 4 - 10. Vì vậy ĐH X mới nhấn mạnh công tác trọng tâm của đổi mới giáo dục đại học là nhằm phục vụ xây dựng một cơ cấu hợp lý, phục vụ đắc lực CNH, HĐH, mở cửa, hội nhập. Phải chuyển dịch cơ cấu có lực lượng lao động nông thôn chiếm dưới 50% nguồn lao động của cả nước, còn

lại là công nghiệp, dịch vụ, công chức, cán bộ nghiệp vụ. Nâng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo lên 40% vào năm 2010 với một cơ cấu trình độ đào tạo hợp lý. Muốn vậy phải có những điều chỉnh lớn trong phát triển dạy nghề, giáo dục chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, cả về *mạng lưới nhà trường lẫn quy mô, tốc độ*. Nhưng không được vội vàng. Trước hết vẫn là *chất lượng đào tạo*. Ở đây có cả vấn đề vùng miền, dân tộc, cả cơ cấu xã hội của người học. Hơn thế, phải quay trở lại giải quyết vấn đề *phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS*, như NQTƯ 2 khoá VIII đã nêu, tiến dần tới 50% học tiếp lên THPT (chúng ta sẽ phổ cập trung học bao gồm cả trung học phổ thông cả trung học chuyên nghiệp), còn lại đều đi học nghề, hay vào lao động, rồi học tiếp sau, đạt trình độ phổ cập trung học, bao gồm cả THPT, cả THCN và trung học nghề và cao hơn, và tất cả mọi người đều phải sống theo phương châm "học suốt đời". Kinh nghiệm của các nước đi vào công nghiệp là như vậy. Đây là dân trí, tạo nên kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, tức là tạo nên năng lực của con người, của nguồn lao động. Trong đó có tác phong lao động. Còn dân khí nữa: có chí khí của người dân một nước độc lập, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sống có lương tâm, có văn hoá, biết làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống, không chạy theo hiệu quả kinh tế đơn thuần. Làm được như vậy, chúng ta sẽ thực hiện thành công Nghị quyết ĐH. X, đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới, nhân dân ta ngày càng sống ấm no hơn,

trí tuệ hơn, nhân văn hơn trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 33, 213.
- 2- Mác và Ăngghen, 1995: 499-500.
- 3- Khuyết Danh, *Đại việt sử lược*, khoảng 1377-1378.
- 4- A.T.Tôenbi. *Nghiên cứu lịch sử*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2002, tr.65.
- 5- Hácđơ, Moranh Durang. *Hiểu biết về Việt Nam*, bản tiếng Pháp -1954, bản tiếng Việt, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1999, tr.8.
- 6- S.O.Harâu. *Những vấn đề lịch sử Việt Nam. Nguyệt san xưa và nay*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 42, 44, 45.
- 7- S.P. Huntinhton, 1993. Trích theo *Chính trị quốc tế: xung quanh sự sụp đổ của nền văn minh*, Bản tin Viện Thông tin KHXH, chuyên đề số 1-1995.
- 8- Phạm Minh Hạc. *Tính biện chứng của giá trị dân tộc và giá trị thế giới*. Hội thảo quốc tế “Đối thoại giữa các truyền thống văn hoá: chân trời toàn cầu”. Istanbul Thổ Nhĩ Kỳ, ngày 8-9 tháng 8 năm 2003.
- 9- Phạm Minh Hạc. *Chăm lo cho con người là mục đích của chủ nghĩa xã hội*. Báo Nhân dân ngày 28-6-2005.
- 10- Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học*

nghiên cứu con người trong thời đổi mới. Nxb. Giáo dục, Hà nội (2006), tr.90-91.

11- Pitor Đơơơ. *Con đường phía trước: Lực lượng lao động mới*. Tạp chí Nhà kinh tế, số 3, tháng 11-2002. *Hạnh Tâm dịch*.

12- Văn kiện ĐH Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, tr.108, 201.

13- Phạm Văn Đồng. *Lời tựa, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 2. Nxb. CTQG. Hà nội, 1995.

14- Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Về phát triển toàn diện con người trong thời kỳ CNH, HĐH*. Nxb. CTQG, Hà nội, 2001.

15- Phạm Thành Nghị (chủ biên). *Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực trong quá trình CNH, HĐH đất nước*. Nxb. KHXH, Hà nội – 2006.

Chú thích:

1. Theo tư tưởng này trong thời kỳ đổi mới lần đầu tiên ở nước ta có Chương trình khoa học – công nghệ nhà nước nghiên cứu con người (KX 07 – 1991-1995), con người và văn hoá (KHXH 04 – 1996-2000) và văn hoá, con người và nguồn nhân lực (KX 05 – 2000-2005). Tác giả bài báo này là chủ nhiệm, phản ánh một phần kết quả của các chương trình này trong bài báo này (BT).